

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành 6 tháng cuối năm 2024

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI.

Ngay từ đầu năm UBND xã đã chủ động ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024; Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin; Kế hoạch tự kiểm tra cải cách hành chính; Kế hoạch Hoạt động về truyền thông kiểm soát thủ tục hành chính và Kế hoạch rà soát thủ tục hành chính năm 2024 kịp thời, hiệu quả.

- Đầu năm BCH Đảng ủy có Nghị quyết lãnh đạo về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024.

- HĐND xã ra Nghị quyết về việc thu – chi ngân sách; phát triển kinh tế - xã hội; an ninh - quốc phòng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2024.

- Thường xuyên thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, cụ thể hóa về việc thực hiện thành những hoạt động cụ thể, thiết thực, các buổi tuyên truyền trên loa thông tin đại chúng đã có khá nhiều bài, chuyên đề về CCHC và thủ tục hành chính, vừa nói rõ những điểm sáng trong CCHC vừa chỉ rõ những tồn tại, bất cập, đặc biệt là thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức.

Trên cơ sở đó UBND xã đã phối hợp với UBMTTQ tuyên truyền cho người dân hiểu rõ, cụ thể hóa về công tác CCHC để người dân nắm và thực hiện. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ công chức phải hiểu rõ và đi đầu trong quá trình thực hiện.

UBND xã hoạt động dưới sự lãnh đạo của Thường vụ Đảng ủy và sự giám sát của HĐND xã nhằm lãnh đạo chính quyền thực hiện và hoạt động đúng nguyên tắc trên cơ sở dân chủ, công khai. Chế độ sinh hoạt, giao ban và thời gian làm việc theo Pháp lệnh cán bộ công chức.

Ngoài công việc chuyên môn được giao các thành viên đều được phân công gắn trách nhiệm phụ trách, chỉ đạo các đơn vị cùng các tổ chức đoàn thể đã được Đảng ủy phân công phải có kế hoạch xuống tận cơ sở nắm bắt tình hình để phản ánh kịp thời với Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc báo cáo qua giao ban tuần hay tại cuộc họp UBND mở rộng vào cuối tháng.

UBND xã lắp máy chấm vân tay theo dõi chấp hành giờ giấc làm việc của từng cán bộ, công chức để phản ánh qua cuộc họp giao ban đầu tuần, thường xuyên duy trì tốt chế độ chào cờ đầu tháng.

II. SƠ KẾT, ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát kiểm tra và xử lý văn bản QPPL theo Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản QPPL và theo Kế hoạch của UBND huyện, nâng cao chất lượng văn bản QPPL, nâng cao chất lượng soạn thảo văn bản, thực hiện đúng quy trình ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp và có tính khả thi cao. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết số 49/NQ-TW về cải cách tư pháp, gắn cải cách hành chính với cải cách tư pháp. Tổ chức tuyên truyền giáo dục pháp luật.

UBND xã đã tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện các văn bản phục vụ trực tiếp cho công cuộc CCHC nhà nước, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa các văn bản của cấp trên và triển khai thực hiện. Thực hiện tốt nguyên tắc hoạt động điều hành của Nhà nước tại địa phương, trong 6 tháng đầu năm UBND xã đã bám sát Nghị quyết của Đảng ủy và HĐND, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đạt kết quả cao, bên cạnh sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh thì điều đặc biệt là tạo được sự an tâm và tin tưởng vào chính sách của Đảng, nhà nước trong sản xuất kinh doanh và phát triển kinh tế của người dân. Cải cách thể chế về mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân, UBND xã đã phối kết hợp với UBMTTQ lấy ý kiến từ nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng. Nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với hoạt của chính quyền địa phương, điều đáng chú ý là tập trung thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đạt kết quả tốt, thực hiện công khai ngân sách, tài chính, đấu thầu xây dựng, việc triển khai các thể chế này đã góp phần vào xây dựng và hoàn thiện chính quyền, giám sát hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ công chức.

Thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế “Một cửa” “Một cửa liên thông” và Quyết định số 44/2007/QĐ-UBND ngày 23/10/2007 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về cơ chế “Một cửa”, “Một cửa liên thông” về lĩnh vực đất đai, Lao động TB&XH tại UBND xã.

Xây dựng trung tâm giao dịch “Một cửa” đầu tư trang thiết bị, bố trí cán bộ phụ trách đảm bảo tiếp dân có hiệu quả, nhanh gọn tránh thủ tục phiền hà cho nhân dân.

UBND xã đã chấn chỉnh đội ngũ công chức tiếp dân, giờ giấc nghiêm túc, thái độ cởi mở, niềm nở, nhận và trả hồ sơ đúng hẹn, thời gian tiếp dân và làm việc tại phòng “Giao dịch Một cửa” vào tất cả các ngày trong tuần, lịch tiếp dân của lãnh đạo UBND xã được bố trí vào thứ 5 hàng tuần tại Phòng họp UBND xã; Công khai phí, lệ phí rõ ràng.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

Thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024, UBND xã đã tổ chức hội nghị quán triệt một số nội dung nhiệm vụ nhằm chấn chỉnh lại đội ngũ cán bộ công chức, quán triệt sâu sắc về Chỉ thị 35, kết luận 05 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh và tổ chức ký cam kết theo Quyết định số 52/QĐ-UBND của UBND tỉnh và Chỉ thị số 29-CT/TU của Tỉnh ủy về việc ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh, phân công cán bộ, công chức phụ trách kiểm soát TTHC, phân công trực đường dây nóng thực hiện theo Quyết định số 52 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính của UBND tỉnh và số điện thoại cán bộ theo dõi trực đường dây nóng của huyện và xã, mở hòm thư hộp ý để nhân dân, các tổ chức, cá nhân góp ý về thái độ, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, đặc biệt cán bộ phụ trách tại phòng giao dịch một cửa.

3. Công tác cải cách tổ chức bộ máy

UBND xã đã ban hành quy chế làm việc của UBND xã và quy chế phối hợp giữa UBND xã với công đoàn cơ sở; Quy chế phối hợp giữa UBND với UBMTTQ, đầu năm giữa công đoàn và UBND đã tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức và người lao động, phối hợp với UBMTTQ xã tổ chức tuyên truyền, vận động toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

Đã ban hành văn bản Phân công nhiệm vụ các chức danh thuộc UBND xã, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

Công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức được Đảng ủy, Chính quyền đặc biệt quan tâm, hiện nay công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp

xã thường xuyên được quan tâm, thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ lý luận chính trị, nhận thức đầy đủ về quan điểm, đường lối của Đảng trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước. BCH Đảng ủy tập trung đầu tư đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, sớm phát hiện cán bộ có triển vọng, tài năng đem vào nguồn kế cận lâu dài, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng hiện nay, từ đầu năm BCH Đảng ủy và HĐND đã có Nghị quyết và chính sách về đào tạo cán bộ.

Trong khâu quản lý, điều hành Đảng ủy, Chính quyền đã có sự phân định khá rõ về trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng đồng chí thuộc cán bộ các ngành UBND. Công tác khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức cũng được xác định, chính vì thế tạo được sự phấn khởi, hăng say công tác của cán bộ, công chức UBND và nâng cao vai trò về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các thành viên trong chính quyền địa phương.

5. Cải cách tài chính công

Việc quản lý và điều hành ngân sách được chính quyền quan tâm và tiếp tục được đổi mới, nguồn thu ngân sách trên địa bàn tiếp tục tăng và được tập trung kịp thời. Quy định mua sắm, sử dụng, bảo quản tài sản theo hướng dẫn của Bộ tài chính và Quy chế Chi tiêu nội bộ của cơ quan. Trang bị máy móc, dụng cụ, máy tính, điện thoại đều có quy chế thống nhất của từng bộ phận. Thực hiện quy chế giám sát và chương trình công tác giữ HĐND, UBND và UBMTTQ. Thực hiện dân chủ công khai tài chính trong xây dựng cơ bản, chế độ tiền lương, công tác phí, mua sắm tài sản theo Luật ngân sách quy định. Huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân theo đúng quy định của pháp luật, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm chế độ quản lý tài chính, bảo đảm sử dụng có hiệu quả ngân sách của Nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của địa phương, đến thời điểm có 23 máy vi tính (không tính hệ thống máy tính của công an xã) trong đó: 11 máy tính bàn tại UBND, 12 máy tính xách tay, 01 máy photo copy; hệ thống internet được đầu tư nâng cấp đường truyền tốc độ cao và lắp đặt 8 bộ phát Wifi phục vụ công tác hoạt động điều hành của Đảng ủy, chính quyền và người dân truy cập thông tin. Tại phòng giao dịch 1 cửa được sự quan tâm của cấp trên đã đầu tư, lắp đặt hệ thống mạng internet, máy tính để nhân dân

truy cập các thông tin về thành phần hồ sơ, thủ tục nhằm phục vụ tốt nhất cho các tổ chức, cá nhân và nhân dân tới giao dịch.

Đã ban hành Kế hoạch về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024 của xã.

Thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn về nộp hồ sơ qua DVC trực tuyến; tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở xã.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng và phát triển chính quyền số: Đã ban hành Kế hoạch về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024 của xã; ban hành một số văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai chính quyền số (Văn bản đôn đốc thực hiện kế hoạch, văn bản tham gia cuộc thi trực tuyến về Chuyển đổi số...)

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 525/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2023: Triển khai các Tổ chuyển đổi số cộng đồng xã và đến 9/9 thôn, đạt 100% tổng số thôn.

Việc ứng dụng các hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trực tuyến và ứng dụng chữ ký số tại đơn vị, địa phương: Thực hiện gửi nhận văn bản qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trực tuyến; đã thực hiện ký số văn bản điện tử.

7. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

*** Tồn tại:**

Bên cạnh những kết quả và tiến bộ đã đạt được, vấn đề cải cách thể chế vẫn còn nhiều bộn bề hạn chế, số lượng văn bản được chính quyền xã ban hành tương đối nhiều nhưng chất lượng nhìn chung chưa cao, còn thiếu tính toàn diện.

Thủ tục hành chính cho dù được cải cách từ nhiều năm nay, nhưng nhìn chung vẫn phức tạp, phiền hà cho người dân. Thực tiễn cho thấy chủ trương thực hiện cơ chế “Một cửa” là một chủ trương đúng đắn trong cải cách tuy nhiên còn mang tính hình thức, một số bộ phận quy định trực tại trung tâm giao dịch “Một cửa” vẫn nhận hồ sơ của dân tại các phòng chuyên môn khiến cho người dân vẫn phải đến nhiều bộ phận của các phòng khác. Tổ chức thực hiện thể chế vẫn còn nhiều yếu kém.

Chưa nhận thức đầy đủ, toàn diện về quy mô của hệ thống thể chế nước ta, tính nhất quán chưa được đảm bảo. Chưa tập trung kiên quyết tổ chức thực hiện cải cách đơn giản hóa thủ tục hành chính, công tác rà soát văn bản, thủ tục hành chính không chỉ đơn thuần là thủ tục hành chính mà phải gắn với rà soát thẩm quyền, nếu như làm tốt điều này thì sẽ phục vụ tốt hơn cho nhân dân, chính

vị vậy việc chưa kết hợp tốt giữa rà soát thủ tục hành chính với rà soát thẩm quyền cũng là nguyên nhân hạn chế kết quả trong cải cách hành chính.

+ Các giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành công cuộc cải cách hành chính thống nhất, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Tăng cường nguồn lực cho cải cách hành chính (bao gồm nhân lực và tài chính).

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền.

Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ về việc áp dụng các khoa học kỹ thuật vào làm việc trong cơ quan hành chính.

8. Những kiến nghị đề xuất.

Đề nghị UBND huyện hàng năm hỗ trợ về kinh phí và tập huấn cho cán bộ cấp xã để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với tình hình nhiệm vụ hiện nay.

Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh những vấn đề đang tồn tại trong việc giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

Cần đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính từ cấp trên xuống các địa phương .

Quan tâm chế độ chính sách của cán bộ cơ sở. Cần quán triệt đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định dân biết, dân bàn, công khai minh bạch để giám sát, góp ý, nâng cao chất lượng hoạt động của UBND xã trong những năm tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VPUB xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Bá Khanh

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI UBND XÃ HỘ ĐỘ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành	Văn bản		
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản		
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		Thống kê, đối chiếu và nêu chi tiết kết quả đạt được theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch năm 2024
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
1.3	Kiểm tra CCHC			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Chỉ UBND cấp huyện báo cáo
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.4	Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	%		
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra	%		
1.5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	03	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	02	
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá chậm	Nhiệm vụ		
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	1	
1.6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	200	
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL do các đơn vị tham mưu HĐND huyện, UBND huyện ban hành hoặc do địa phương ban hành	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do đơn vị tham mưu HĐND huyện, UBND huyện ban hành	Văn bản		
2.1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		UBND cấp huyện báo cáo
2.2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.2.1	Số VBQPPL kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	135	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục	135	
3.1.4.1	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		Các ban, ngành báo cáo số TTHC của đơn vị; UBND cấp huyện báo cáo số TTHC cấp huyện, UBND cấp xã báo cáo số TTHC cấp xã
3.1.4.2	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	135	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	359	
3.3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	358	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết	%		UBND cấp huyện báo cáo

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	đúng hạn			
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.3	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.3.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
3.3.3.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		
4	Cải cách tổ chức bộ máy	Các cơ quan TW không phải báo cáo nội dung này (mục 4)		
4.1.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND huyện	Cơ quan, đơn vị		UBND cấp huyện báo cáo
4.1.2	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		19	
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	19	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người		
5.4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
5.4.1	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng, ban UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người		
5.4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người		
6	Cải cách tài chính công	Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 6)		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70%-dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30%-dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10%-dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh – 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh – 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua hệ thống thông tin báo cáo cấp trên	%		
7.3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.3.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%		
7.3.1.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.3.1.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	20	
7.3.2	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của huyện			
7.3.2.1	Tỷ lệ ban, ngành cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.3.2.2	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
7.4.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.4.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.4.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
7.4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.4.4	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
7.4.4.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...)	Thủ tục		
7.4.4.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
7.5	Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị			
7.5.1	Ban hành các văn bản về ISO	Văn bản		
7.5.2	Ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu, hệ thống tại đơn vị:			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.2.1	Ban hành tài liệu hệ thống; Công bố/công bố lại hệ thống; ban hành mục tiêu chất lượng	Quyết định		
7.5.2.2	Tổng số quy trình được áp dụng tại đơn vị (QTNB TTHC; QTNB TTHC giữa các cơ quan HCNN; QTNB khác)	Quy trình		
7.5.2.3	Số quy trình được ban hành mới/sửa đổi trong quý/6 tháng/năm	Quy trình		
7.5.3	Tuyên truyền, tập huấn về ISO hành chính	Cuộc/bài/tin		
7.5.4	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ; xem xét lãnh đạo đối với hệ thống	Lần		
7.5.5	Vận hành và áp dụng quy trình nội bộ trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.5.5.1	Số hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.5.5	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu	%		
7.5.5.6	Kết quả áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị, địa phương: (Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc quản lý của ngành (Sở, ban, ngành báo cáo) Các đơn vị, địa phương trên địa bàn (UBND cấp huyện báo cáo))			
7.5.5.7	Số đơn vị/địa phương đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị		
7.5.5.8	Số đơn vị/địa phương triển khai mới trong năm	Đơn vị		